CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Đầu tư và Xây dựng HUD4

Ngày 31/03/2025	13,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-7.6%	**2.3%**	**14.5%**

DT thuần
Q1/25
40.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 57.5| 338%
YoY: ▲ 24.7| 156%

LN thuần
Q1/25
2.02
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.10| -67.0%
YoY: ▲ 1.87| 1248%

LN sau thuế
Q1/25
1.85
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.24| -63.7%
YoY: ▲ 1.75| 1746%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
18.6%
YoY: +/-▲ 90.4%

ROE (TTM)
Q1/25
7.9%
YoY: +/-▲ 0.8%

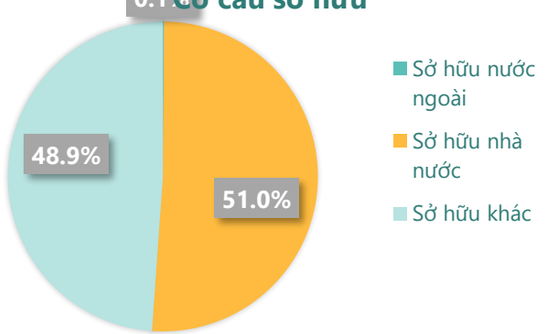
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	10,600 - 15,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	201
Số lượng CPLH (CP)	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	63,870
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	
EPS	1,042
P/E	12.9

DT thuần
2024
156
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 127| 441%

LN thuần
2024
19.2
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 18.3| 1980%

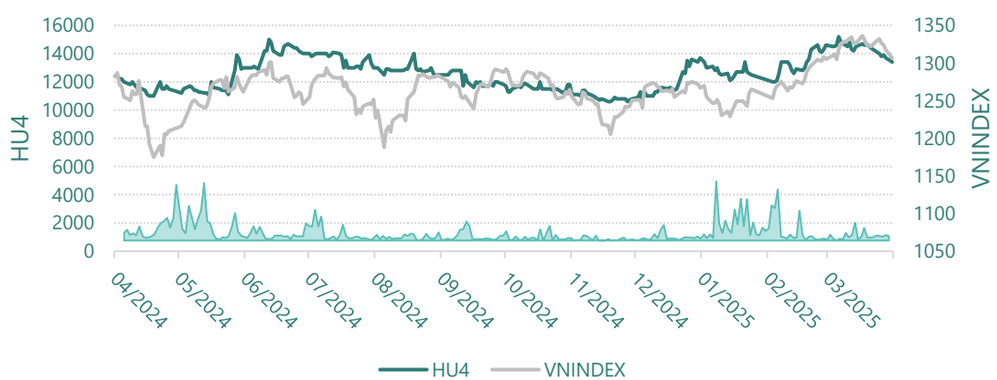
LN sau thuế
2024
13.9
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 13.8| 9828%

Cơ cấu sở hữu

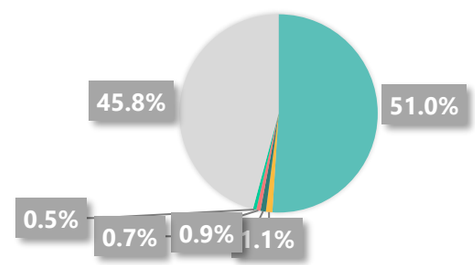


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

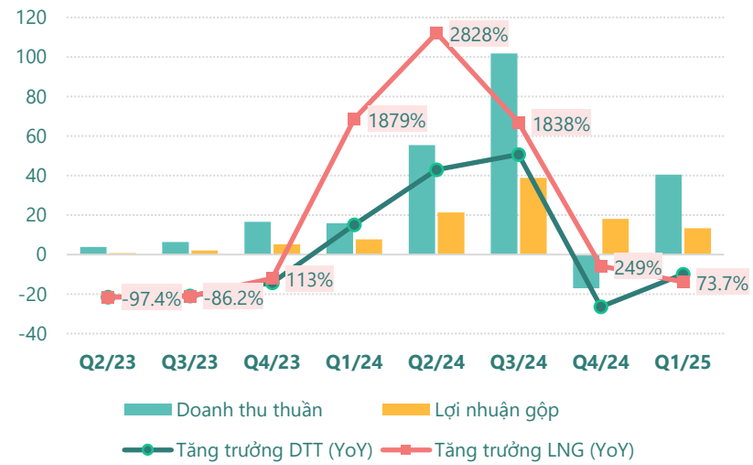


- Tổng công ty Đầu tư Phát triển nhà và đô thị - Công ty TNHH
- Lê Thị Minh Ngọc
- Lê Quang Hiệp
- Nguyễn Thị Hoa
- Hoàng Anh Tuấn (Phó Giám đốc)

(Nguồn: fireant.vn)

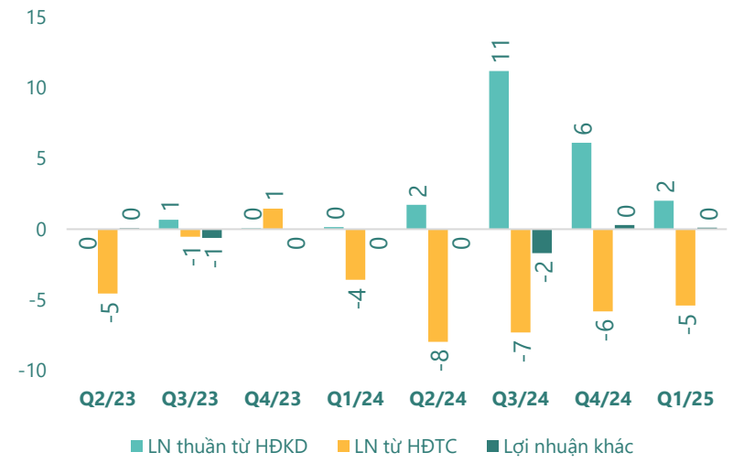
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



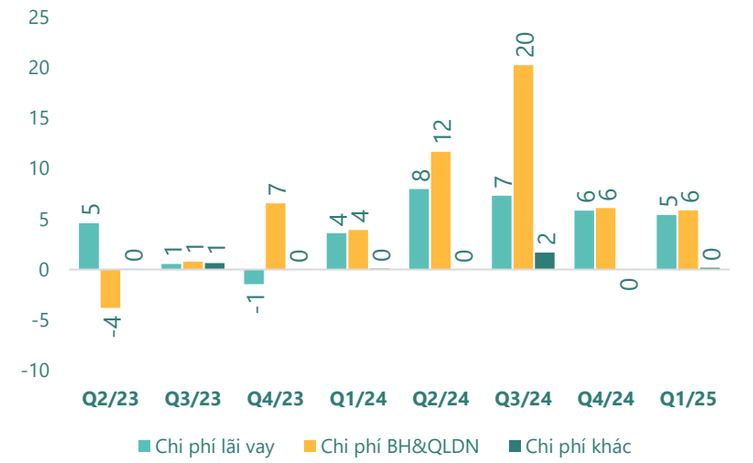
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



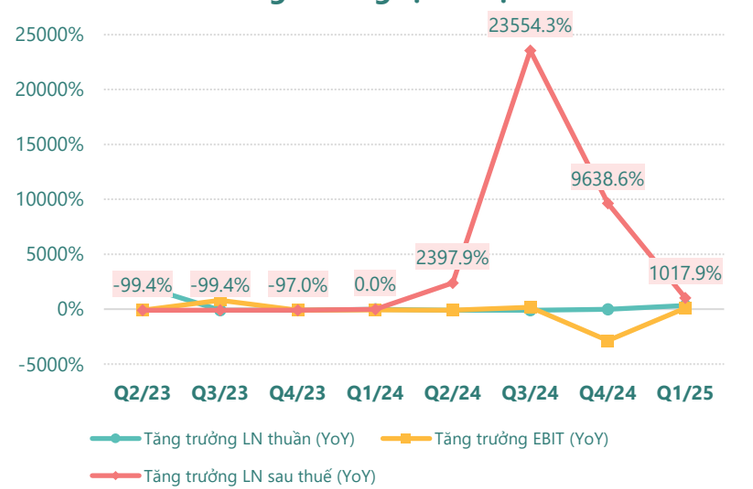
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



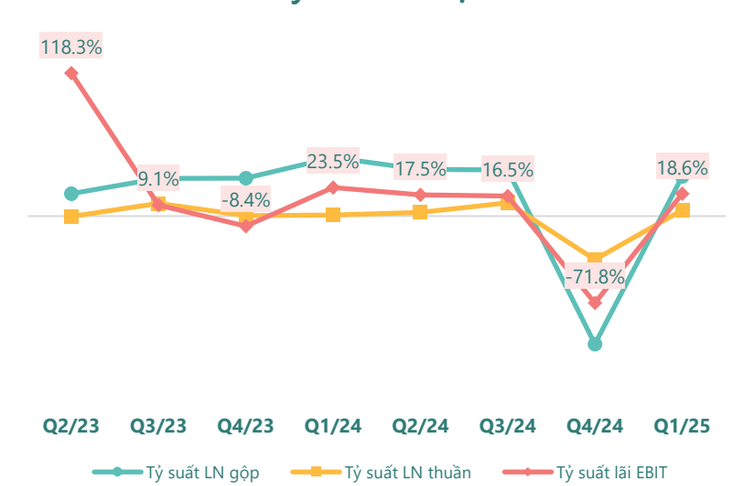
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



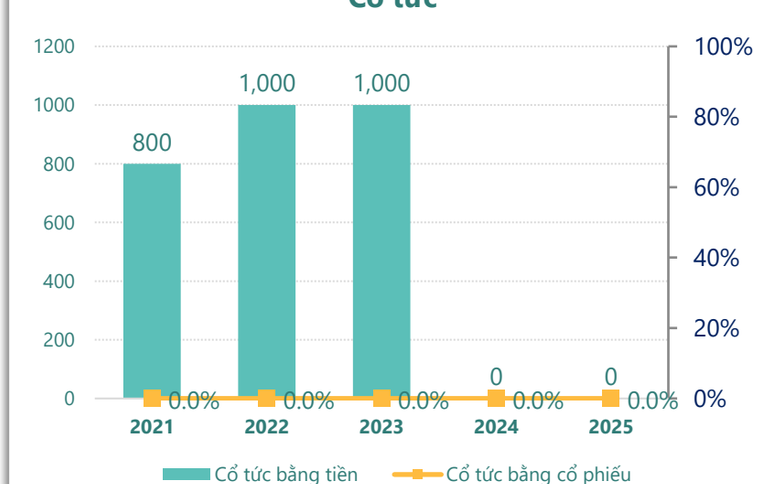
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

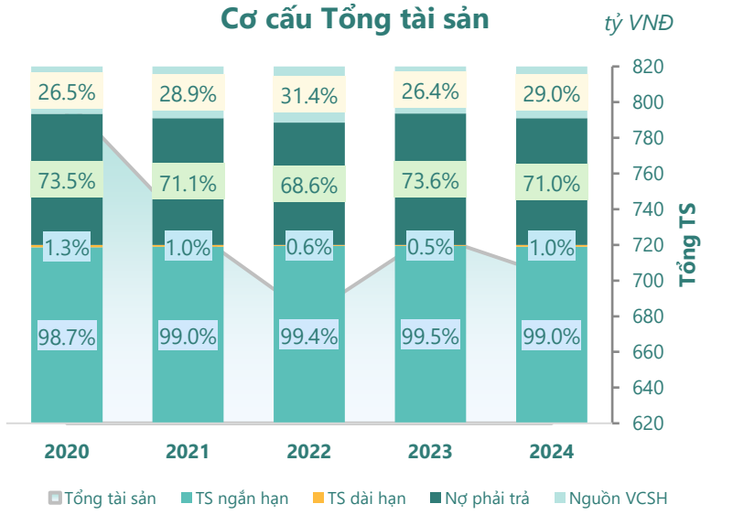
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

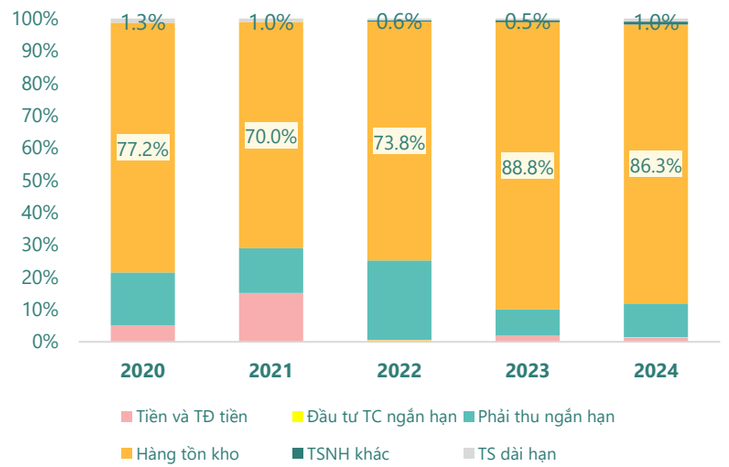
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



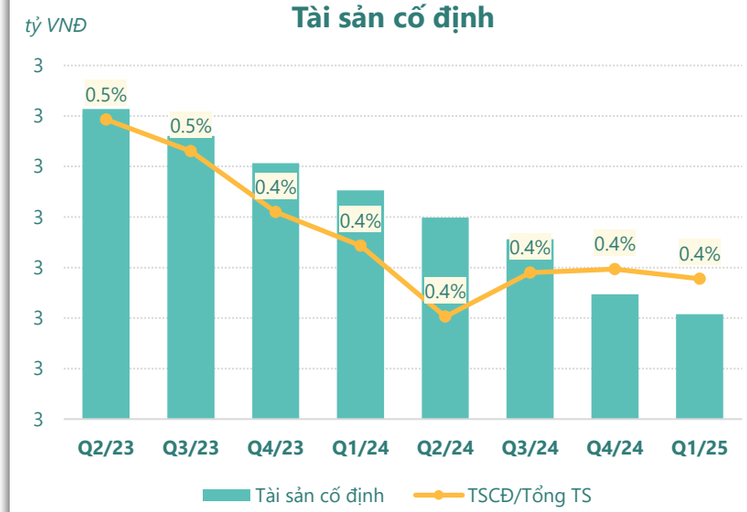
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



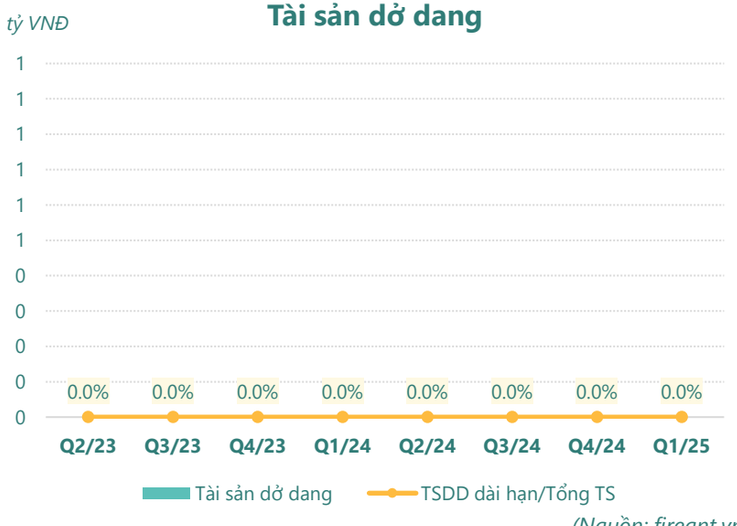
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



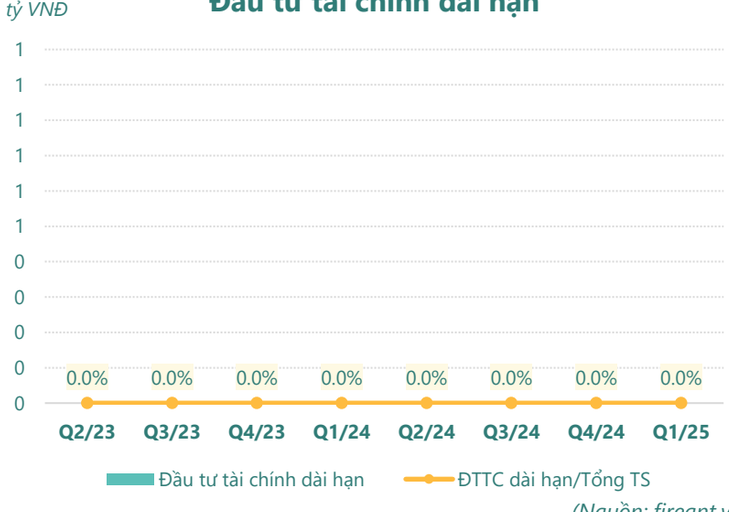
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



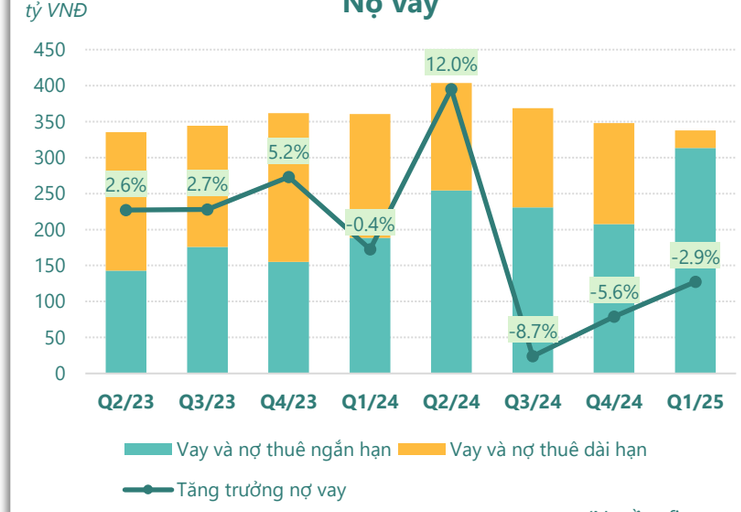
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

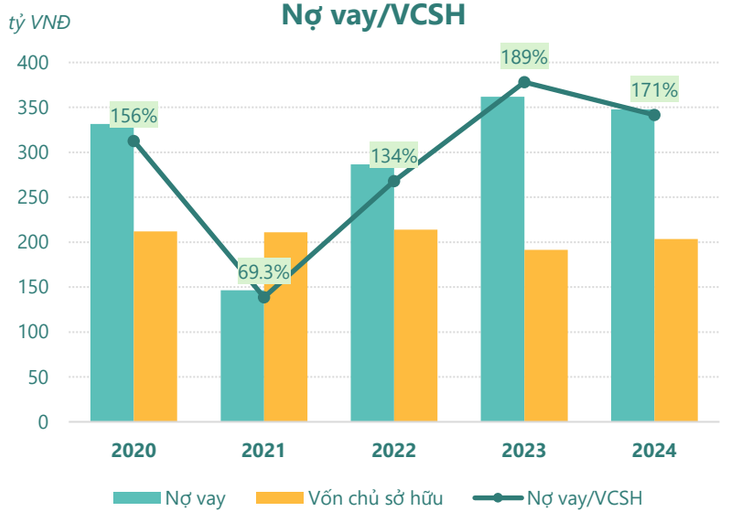
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



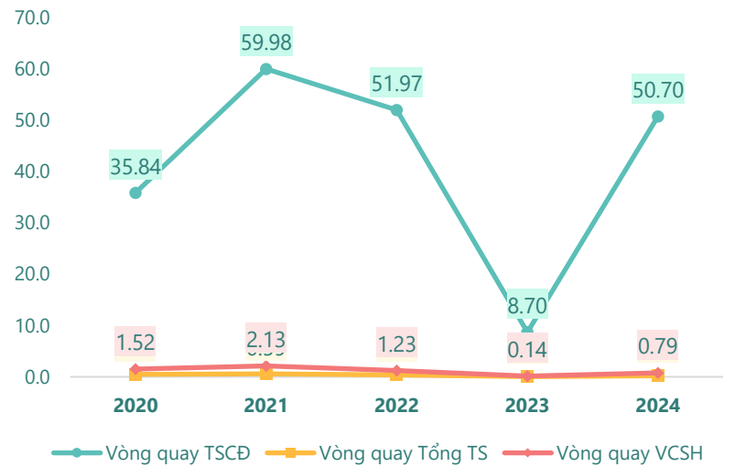
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



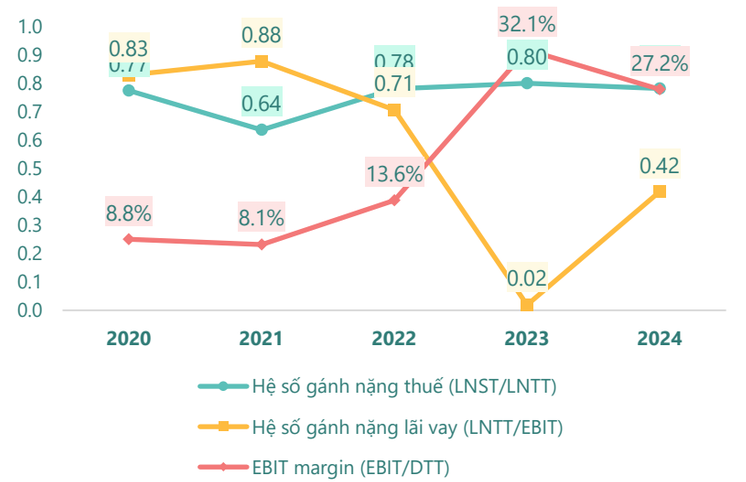
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



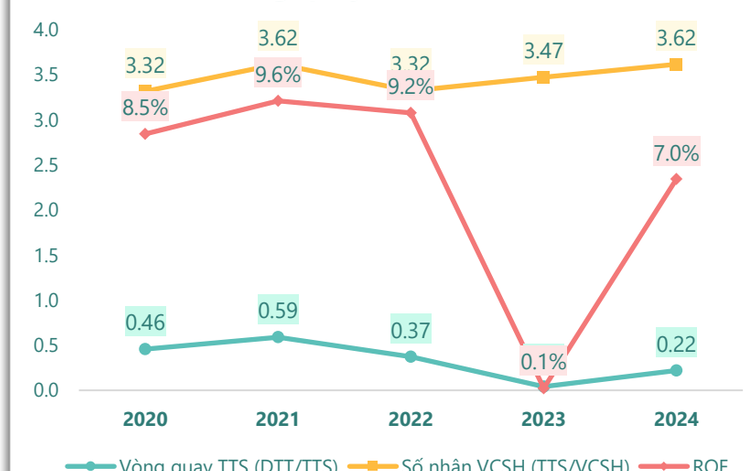
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



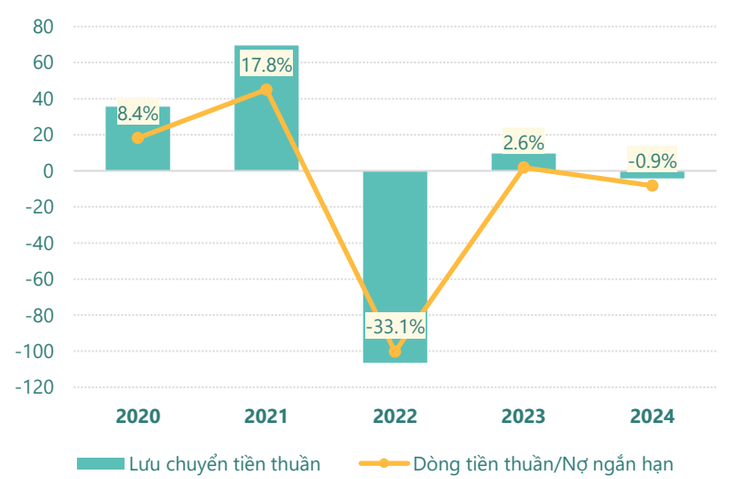
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**40.5**	**15.8**	**156%**	**156**	**28.8**	**441%**
Giá vốn hàng bán	27.2	8.13	235%	70.1	20.5	242%
Lợi nhuận gộp	13.3	7.65	73.8%	85.9	8.29	936%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.00		0.01	0.08	-84.9%
Chi phí TC	5.41	3.59	50.6%	24.7	9.08	172%
Chi phí lãi vay	5.41	3.59	50.6%	24.7	9.08	172%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.07	1.65	25.5%	12.4	-17.9	170%
Chi phí QLDN	**3.80**	**2.27**	**67.4%**	**29.5**	**16.2**	**81.8%**
LN thuần từ HĐKD	2.02	0.15	1248%	19.2	0.92	1980%
Lợi nhuận khác	**0.10**	**-0.02**	**597%**	**-1.42**	**-0.75**	**-89.8%**
LN trước thuế	2.12	0.12	1668%	17.8	0.17	10069%
Lợi nhuận sau thuế	**1.85**	**0.10**	**1746%**	**13.9**	**0.14**	**9828%**
LNST của CĐ cty mẹ	**1.85**	**0.10**	**1746%**	**13.9**	**0.14**	**9828%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.89	0.85	14.6	-25.2	20.2	10.1
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	0	-0.22	0.23	-0.53	0
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	9.88	-1.47	43.1	-35.0	-20.7	-10.2
Tiền đầu kỳ	5.49	13.5	12.9	70.2	10.3	9.29
Lưu chuyển tiền thuần	**7.99**	**-0.62**	**57.4**	**-59.9**	**-1.04**	**-0.13**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	13.5	12.9	70.2	10.3	9.29	9.16

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**700**	**703**	**-0.4%**
Tài sản ngắn hạn	693	696	-0.4%
Tiền và tương đương tiền	9.16	9.29	-1.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.28	1.10	17.0%
Phải thu ngắn hạn	82.7	73.1	13.1%
Hàng tồn kho	593	606	-2.1%
Tài sản ngắn hạn khác	6.35	6.05	5.0%
Tài sản dài hạn	**6.93**	**7.03**	**-1.3%**
Phải thu dài hạn	3.45	3.45	0.0%
Tài sản cố định	2.91	2.95	-1.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**0.58**	**0.63**	**-8.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	494	499	-1.0%
Nợ ngắn hạn	**470**	**486**	**-3.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	313	334	-6.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	31.2	37.4	-16.6%
Nợ dài hạn	24.2	13.3	82.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	24.2	13.3	82.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**205**	**204**	**0.9%**
Vốn chủ sở hữu	**205**	**204**	**0.9%**
Vốn điều lệ	150	150	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)